

Bản án số: **27/2022/DS-PT**
Ngày 19-4-2022
V/v “*Tranh chấp yêu cầu mở
lối đi qua bất động sản liền kề*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Quý Chi

Ông Nguyễn Văn Thư

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bảo Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 105/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2021/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2021/QĐXXPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Đặng Thị T**, sinh năm 1950; (*có mặt*)

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp B, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn: Ông **Bùi Văn S**, sinh năm 1965; (*có mặt*)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp B, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước theo văn bản ủy quyền ngày 07/9/2020.

- ***Bị đơn:***

1. Ông **Bùi Văn P**, sinh năm 1959; (*có mặt*)

2. Bà **Bùi Thị H**, sinh năm 1962; (*có mặt*)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp B, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- ***Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh **Bùi Văn H1**, sinh năm 1986; (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

2. Anh **Bùi Văn C**, sinh năm 1988; (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

3. Anh **Bùi Văn V**, sinh năm 1984; (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp B, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Chị **Bùi Thị B**, sinh năm 1990; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 484 tổ 9, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

5. Anh **Bùi Văn N**, sinh năm 1980; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

6. Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1983; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp B, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- *Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Văn S, bị đơn ông Bùi Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị T là ông Bùi Văn S trình bày như sau:

Gia đình bà Đặng Thị T có thửa đất số 27, tờ bản đồ số 25, đất tọa lạc tại tổ 4, ấp B, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước có nguồn gốc là do hộ bà T nhận chuyển nhượng của gia đình bà Bùi Thị S1 vào năm 1993; đến năm 1998 được UBND huyện B (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 5.220m²; năm 2005 được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 4.568,1m². Vị trí đất của bà T ở phía Tây giáp đất hộ bà Bùi Thị H và ông Bùi Văn P, phía Nam giáp suối, phía Bắc giáp đất hộ ông Bùi Văn N, phía Đông giáp đất hộ ông Nguyễn Văn H2.

Vào năm 2000 do bà T không có lối đi ra đường công cộng nên bà T có thỏa thuận (miệng) với gia đình bà H, ông P về việc mở lối đi qua đất của gia đình bà H, ông P cho gia đình bà T với diện tích chiều ngang rộng 02m, chiều dài khoảng 150m; bà T có trách nhiệm trả cho bà H, ông P số tiền 3.500.000 đồng và 43kg hạt tiêu với giá 55.000đồng/kg. Bà T đã giao đủ tiêu và tiền cho gia đình bà H, ông P; ông P cam kết khi nào phá cây tiêu thì sẽ mở đường cho gia đình bà T. Trước đây bà T đi ra đường công cộng phải đi ngang qua suối nhưng rất nguy hiểm nên năm 2001 gia đình bà T đã đi ra đường công cộng nhờ qua đất nhà gia đình ông P.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu gia đình bà H, ông P mở lối đi qua bất động sản nhà ông P tại thửa số 52, tờ bản đồ số 25 với chiều rộng 02m, dài từ đất nhà bà T ra đường công cộng có cạnh dài dọc theo thửa 52, tờ bản đồ số 25 theo sơ đồ là 133,13m và cạnh giáp với thửa đất của gia đình ông Bùi Văn N có cạnh dài 134,06m, tổng diện tích 262,7m² để gia đình bà T có lối đi ra đường công cộng và bà T đồng ý bồi thường giá trị đất và tài sản trên đất mở lối đi như thỏa thuận năm 2000 bà T đã giao cho gia đình bà H và ông P số tiền 3.500.000 đồng và 43kg hạt tiêu nên nay bà T không bồi thường thêm.

Bị đơn ông Bùi Văn P và bà Bùi Thị H trình bày:

Thửa đất số 52, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại tổ 4, ấp B, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước là thửa đất giáp ranh với đất nhà bà T, có nguồn gốc do gia đình ông, bà nhận chuyển nhượng của gia đình ông T1 (không nhớ họ, tên đệm) vào năm 1987, giá chuyển nhượng không nhớ rõ, diện tích khoảng 1,7ha; thời điểm chuyển nhượng đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng nên chỉ chuyển nhượng bằng giấy tay. Năm 2005 thì gia đình ông P, bà H được UBND huyện B (cũ), tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận. Khi bà T mua đất giáp với thửa đất trên thì gia đình bà T không có lối đi ra đường công cộng mà phải đi nhờ qua đất gia đình ông, bà. Nguồn gốc đất của bà T nhận chuyển nhượng của bà S1 (không nhớ họ tên, địa chỉ cụ thể) năm 1993. Năm 2000 gia đình ông P, bà H quy hoạch đất để trồng trọt thì gia đình có làm một lối đi để gia đình đi lại chăm sóc cây trồng thì gia đình bà T cũng đi nhờ lối đi này ra đường công cộng cho đến nay. Vào thời gian này bà T có qua nhà để thỏa thuận về việc mua lối đi từ đất nhà bà T qua thửa số 52 của gia đình ông, bà nhưng gia đình ông, bà không đồng ý.

Đối với số tiền như bà T trình bày 3.500.000 đồng và 43kg hạt tiêu để mua lối đi thì ông P, bà H trình bày: ông, bà không nhớ rõ thời gian, bà T có mang sang nhà ông, bà gửi 43kg hạt tiêu để bán. Sau đó, T sang gia đình bà H nói số hạt tiêu đã gửi bán với giá 55.000đồng/kg, bà H cũng đồng ý mua vì gia đình bà H thu mua hạt tiêu; số tiền bán tiêu tương ứng với 2.365.000 đồng nhưng bà T đến nay vẫn chưa lấy tiền bán tiêu. Số tiền mặt bà T trình bày mang qua gia đình bày để mua đường đi 3.500.000 đồng: ông, bà không nhớ rõ thời gian bà T mang tiền sang nhà bà H, ông P có đặt vấn đề để mua con đường nhưng bà H và ông P không đồng ý nên không nhận tiền. Sau đó bà T về và để lại tiền khi nào không biết, sáng hôm sau bà H phát hiện 01 bọc tiền ở dưới sàn nhà thì bà H lấy đến được số tiền 2.500.000 đồng. Bà H gọi bà T sang để lấy tiền về, gia đình bà H không đồng ý bán đường nhưng bà T không nhận tiền về cho đến nay.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu gia đình ông P, bà H có nghĩa vụ mở lối đi để gia đình bà T đi ra đường công cộng qua đất gia đình ông, bà tại thửa số 52, tờ bản đồ số 25 ông P và bà H không đồng ý.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 16/5/2021 và đơn trình bày ý kiến ngày 17/6/2021 anh Bùi Văn H1 trình bày: Anh H1 là con của bà H và ông P; qua yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu mở lối đi qua bất động sản của gia đình bố mẹ anh thì anh không đồng ý và cũng không đồng ý bán lối đi.

Tại đơn trình bày ý kiến ngày 17/6/2021 anh Bùi Văn V, anh Bùi Văn C, và chị Bùi Thị B cùng trình bày: Anh V, anh C và chị B là con ruột của ông P và bà H. Việc bà T khởi kiện yêu cầu gia đình ông P, bà H có nghĩa vụ mở lối đi để gia

đình bà T đi ra đường công cộng qua đất do hộ ông P, bà H đứng tên tại thửa số 52, tờ bản đồ số 25 thì anh V, anh C và chị B không đồng ý. Việc bà T trình bày về việc giao tiền, mua bán tiêu không liên quan đến việc mở đường. Gia đình ông P không có thỏa thuận gì về mở lối đi như bà T trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

“Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị T về yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề.

- Buộc hộ ông Bùi Văn P, bà Bùi Thị H, anh Bùi Văn C, anh Bùi Văn H1, anh Bùi Văn V và chị Bùi Thị B có nghĩa vụ liên đới mở lối đi diện tích 262,7m² qua bất động sản liền kề tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 25, đất tọa lạc tại tổ 4, ấp B, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước do hộ ông Bùi Văn P và bà Bùi Thị H đứng tên quyền sử dụng đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005, có tứ cận:

Phía Tây Bắc giáp đường công cộng có cạnh dài 02m,

Phía Đông Bắc giáp thửa 19 của ông Bùi Văn N có cạnh dài 134,06m,

Phía Đông Nam giáp thửa số 27, tờ bản đồ số 25, đất bà Đặng Thị T (là điểm tiếp nối làm lối đi),

Phía Tây Nam giáp phần đất còn lại của thửa số 52, tờ bản đồ số 25 của hộ ông Bùi Văn P và bà Bùi Thị H (sau khi trừ lối đi yêu cầu mở cho bà T lưu thông).

(Có sơ đồ đo vẽ ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Công ty TNHH MTV Đo đạc Tản Thành kèm theo bản án).

- Hộ ông Bùi Văn P và bà Bùi Thị H và bà Đặng Thị T có nghĩa vụ hợp tác liên hệ với cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký biến động đất đai theo quy định.

- Buộc bà Đặng Thị T có nghĩa vụ bồi thường cho ông Bùi Văn P và bà Bùi Thị H số tiền giá trị quyền sử dụng đất của diện tích đất buộc mở lối đi qua bất động sản liền kề và giá trị tài sản trên đất số tiền 154.813.000đ (Một trăm năm mươi tư triệu, tám trăm mười ba ngàn đồng) ”...

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và các chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/9/2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Văn S kháng cáo Bản án sơ thẩm: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, không chấp nhận bồi thường cho ông P bà H số tiền 154.813.000đồng.

Ngày 23/9/2021, bị đơn ông Bùi Văn P và bà Bùi Thị H kháng cáo Bản án sơ thẩm: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm xem xét, giải

quyết theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn chịu toàn bộ án phí sơ thẩm và toàn bộ chi phí tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị T là ông Bùi Văn S, bị đơn ông Bùi Văn P bà Bùi Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn N bà Nguyễn Thị D thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

Phần đất làm lối đi chung giữa các hộ có tổng diện tích là 535,5m², trong đó 134m² là phần diện tích lối đi chung thuộc thửa đất số 19 của hộ ông Bùi Văn N bà Nguyễn Thị D, 401,1m² là phần diện tích lối đi chung thuộc thửa đất số 52 của hộ ông Bùi Văn P bà Bùi Thị H, có vị trí tứ cận theo các điểm ranh giới mốc ranh tọa độ 2, 3, 4, 24, 25, 26 theo Mảnh trích đo địa chính ngày 19/4/2022 của Công ty TNHH Tư vấn đo đạc bản đồ Đại Việt.

Ông P bà H đồng ý bán cho bà T phần diện tích đất ngang 01m, dài 134m (mặt tiếp giáp phần đất còn lại của ông P bà H) với giá tiền là 160.000.000đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) để làm lối đi chung.

- Ông Bùi Văn S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị T đồng ý mua của ông P bà H diện tích đất ngang 01m, dài 134m (mặt tiếp giáp phần đất còn lại của ông P bà H) với giá tiền là 160.000.000đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) để làm lối đi chung.

Đối với những tài sản và cây trồng trên đất thì các đương sự không có yêu cầu gì.

Về chi phí tố tụng khác: Ông Bùi Văn S đại diện cho bà Đặng Thị T đồng ý tự nguyện chịu số tiền 21.662.000đ (Hai mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi hai ngàn đồng) chi phí đo vẽ và chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản.

Ý kiến của Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 300, khoản 02 Điều 308, 309 của BLTTDS, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 10/9/2022 của TAND huyện H, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của ông Bùi Văn S, ông Bùi Văn P, bà Bùi Thị H được nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thụ lý và giải quyết phúc thẩm vụ án là đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền xét xử: Căn cứ vào các Điều 36, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử là đúng thẩm quyền.

- Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xác định đúng, không bỏ sót người tham gia tố tụng.

- Về quan hệ tranh chấp: Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xác định đúng quan hệ tranh chấp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị T là ông Bùi Văn S, bị đơn ông Bùi Văn P bà Bùi Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn N bà Nguyễn Thị D thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

Phần đất làm lối đi chung giữa các hộ có tổng diện tích là 535,5m², trong đó 134m² là phần diện tích lối đi chung thuộc thửa đất số 19 của hộ ông Bùi Văn N bà Nguyễn Thị D, 401,1m² là phần diện tích lối đi chung thuộc thửa đất số 52 của hộ ông Bùi Văn P bà Bùi Thị H, có vị trí tứ cận theo các điểm ranh giới mốc ranh tọa độ 2, 3, 4, 24, 25, 26 theo Mảnh trích đo địa chính ngày 19/4/2022 của Công ty TNHH Tư vấn đo đạc bản đồ Đại Việt.

Ông P bà H đồng ý bán cho bà T phần diện tích đất ngang 01m, dài 134m (mặt tiếp giáp phần đất còn lại của ông P bà H) với giá tiền là 160.000.000đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) để làm lối đi chung.

- Ông Bùi Văn S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị T đồng ý mua của ông P bà H diện tích đất ngang 01m, dài 134m (mặt tiếp giáp phần đất còn lại của ông P bà H) với giá tiền là 160.000.000đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) để làm lối đi chung.

Đối với những tài sản và cây trồng trên đất thì các đương sự không có yêu cầu gì.

Xét thấy thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, cần sửa bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 10/9/2021 của TAND huyện H, tỉnh Bình Phước, ghi nhận sự tự nguyện này.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn S đại diện cho bà Đặng Thị T tự nguyện chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Bà Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 160.000.000đồng.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm d Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đặng Thị T (72 tuổi) là người cao tuổi nên bà T được miễn án phí theo quy định của pháp luật đối với phần án phí bà T phải chịu.

[2.3] Về chi phí tố tụng khác: Ông Bùi Văn S đại diện cho bà Đặng Thị T đồng ý tự nguyện chịu số tiền 21.662.000đ (Hai mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi hai ngàn đồng) chi phí đo vẽ và chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản. Bà T đã nộp đủ.

[2.4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Bùi Văn S, ông Bùi Văn P bà Bùi Thị H được chấp nhận một phần nên ông Bùi Văn S, ông Bùi Văn P bà Bùi Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, Khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị T là ông Bùi Văn S;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn P bà Bùi Thị H;

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 10/9/2021 của TAND huyện H, tỉnh Bình Phước. Cụ thể:

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, các Điều 35, 39, 157, 165, 227, 228, 235, 266, 267, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 245, 246, 247, 248 và Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 95, điểm d khoản 1 Điều 99, khoản 3 Điều 105, Điều 171 của Luật Đất đai năm 2013;

- Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

- Áp dụng Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ giao thông vận tải về hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

Tuyên xử:

1. Công nhận phần đất có diện tổng diện tích là 535,5m², trong đó 134m² là phần diện tích lối đi chung thuộc thửa đất số 19 của hộ ông Bùi Văn N bà Nguyễn Thị D, 401,1m² là phần diện tích lối đi chung thuộc thửa đất số 52 của hộ ông Bùi Văn P bà Bùi Thị H, có vị trí tứ cận theo các điểm ranh giới mốc ranh tọa độ 2, 3, 4, 24, 25, 26 theo Mảnh trích đo địa chính ngày 19/4/2022 của Công ty TNHH Tư vấn đo đạc bản đồ Đại Việt làm lối đi chung qua bất động sản liền kề.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục công nhận lối đi chung theo quy định pháp luật.

2. Bà Đặng Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Văn P bà Bùi Thị H số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Đặng Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).
- Bị đơn ông Bùi Văn P bà Bùi Thị H không phải chịu.

4. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Đặng Thị T phải chịu số tiền 21.662.000đ (Hai mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi hai ngàn đồng) chi phí đo vẽ và chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản. Bà T đã nộp đủ.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Đặng Thị T không phải chịu. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H , tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho bà T số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 023780, quyền số 0476 ngày 24/9/2021 (do ông Bùi Văn S đóng).

- Ông Bùi Văn P bà Bùi Thị H không phải chịu. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho bà T số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 023778, quyền số 0476 ngày 24/9/2021.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Hạnh